TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 542/2020/HC-PT
Ngày: 17 - 9 - 2020
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Nguyễn Đắc Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 114/2020/TLPT-HC ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2084/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Đặng Thị G**,** sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Đường C, Khu phố X3, Phường X1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lữ Thanh T1 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Đường P, Khu phố X3, Phường X2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2/Ông Đặng Văn H**,** sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố x3, Phường x1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3/Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Áp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

4/Bà Đặng Thị A, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố x3, Phường x1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

5/Bà Đặng Thị N2, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu phố x3, Phường x1, thành phố T, tinh Tây Ninh.

6/Bà Đặng Thị S, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu phố x3, Phường x1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông H, bà L1, bà A, bà N2, bà S: Bà Đặng Thị G, sinh năm 1962

Địa chỉ: Đường C, Khu phố x3, Phường x1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Đặng Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2019 và lời trình bày của bà Đặng Thị G tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện:

Theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND (Sau đây gọi tắt là Quyết định 1533) ngày 16/8/2010 và Quyết định số 2381/QĐ-UBND (Sau đây gọi tắt là Quyết định 2381) ngày 20/12/2010 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh công nhận phần đất tranh chấp 28,4m^2 thuộc thửa 181 tờ bản đồ 75 tại Khu phố x3, Phường x1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cho bà Trần Thị Đ; buộc gia đình ông Đặng Minh H1 giao diện tích lấn chiếm là 6,3m^2 theo đúng trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T. Ngày 13/6/2012, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã T ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND về việc cưỡng chế buộc gia đình bà phải giao lại phần đất diện tích 6,3 m^2 theo Quyết định 1533 và Quyết định 2381. Ngày 28/8/2012 Đoàn cưỡng chế thị xã T tiến hành cưỡng chế xong việc buộc gia đình bà phải giao 6,3 m^2 đất cho bà Đ thể hiện tại Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế và đánh giá rút kinh nghiệm của Đoàn cưỡng chế ngày 13/9/2012.

Ngày 11/01/2019, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T tiếp tục ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND (Sau đây gọi tắt là Quyết định 47), buộc gia đình bà tháo dỡ công trình kiến trúc, tường rào, mái che, trong phạm vi diện tích 6,3 m^2 tại trích lục bản đồ 305 cho bà Đ. Quyết định này là quyết định trái pháp luật, ảnh hưởng xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bà bởi:

Thứ nhất: Tại báo cáo 16/BC-ĐCC ngày 13/9/2012 về kết quả thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế và đánh giá rút kinh nghiệm của Đoàn cưỡng chế có thông qua nội dung "Đoàn cưỡng chế đã bàn giao cho bà Trần Thị Đ diện tích 21,1 m^2 đất trống và diện tích 6,3 m^2 bà Trần Thị Đ đã tổ chức cho công nhân cắm trụ ranh bê tông xi măng, xây gạch chân tường rào cao 0,5 m phía giáp ranh với đất

ông Đặng Minh H1". Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định Uỷ ban nhân dân thành phố T đã thực hiện và hoàn tất việc cưỡng chế buộc gia đình bà phải giao 6,3m^2 đất từ năm 2012. Quyết định 1533 và Quyết định 2381 là 02 quyết định hành chính nên chỉ được áp dụng 01 lần đối với 01 đối tượng cụ thể theo Khoản 1, Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Hai quyết định này đã được thi hành xong nên được coi là đã hết hiệu lực pháp luật nhưng Quyết định số 47 ngày 11/01/2019 lại tiếp tục cưỡng chế thi hành Quyết định 1533 và 2381 là hoàn toàn không đúng pháp luật.

Thứ hai: Nội dung Quyết định 47 mâu thuẫn với nội dung Uỷ ban nhân dân thành phố vận động bà giao đất. Căn cứ khoản 2, Điều 4 Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh: "Trước khi tổ chức cưỡng chế phải thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục các bên tranh chấp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tự nguyện, tự giác chấp hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật". Ngày 14/8/2018 Uỷ ban nhân dân thành phố T đã tiếp xúc với hộ gia đình bà để vận động bà giao lại phần đất diện tích 4,2 m^2 cho bà Đ theo quyết định 1533 và 2381. Ngày 23/12/2018 Uỷ ban nhân dân thành phố T tiếp tục vận động gia đình bà giao thêm phần đất diện tích 1,6 m^2 cho bà Đ. Nhưng nội dung Quyết định 47 lại cưỡng chế buộc gia đình bà phải giao 6,3 m^2 cho bà Đ là mâu thuẫn, không phù hợp với nội dung Uỷ ban nhân dân thành phố T đã vận động bà.

Các quyết định trên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của gia đình bà. Do đó bà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12/3/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T thể hiện:

Ngày 16/8/2010 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 1533 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị Đ ngụ tại số 55, khu phố 3, Phường 2, thị xã T với gia đình ông Đặng Minh H1. Các quyết định này công nhận phần đất tranh chấp diện tích 28,4 m^2 thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà Trần Thị Đ. Đất tranh chấp với gia đình ông Đặng Minh H1 thuộc thửa 181, tờ bản đồ 75 theo trích lục bản đồ địa chính số 305 ngày 27/11/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T.

Ngày 20/12/2010 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định 2381 về việc bổ sung quyết định 1533 ngày 16/8/2010 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh. Ket quả giải quyết: Công nhận cho vợ chồng bà Trần Thị Đ được quyền sử dụng diện tích 28,4 m^2 đất tranh chấp thuộc thửa 181, tờ bản đồ 75 theo đúng trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27-11-2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T. Buộc gia đình ông Đặng Minh H1 (người đang trực tiếp sử dụng đất) và ông Mai Thành Phương có trách nhiệm giao lại diện tích lấn chiếm theo đúng trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã T. Các nội dung khác của Quyết định 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh vẫn giữ nguyên."

Hai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật giao Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã (Nay là thành phố T) tổ chức cưỡng chế đối với hộ bà Đặng Thị G (Đại diện cho hộ gia đình ông Đặng Minh H1) để thực hiện quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh. Đoàn cưỡng chế bàn giao đất nhưng bà Trần Thị Đ không đồng ý nhận ranh đất vì cho rằng Uỷ ban nhân dân thị xã T chưa thực hiện đầy đủ quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Uỷ ban nhân dân thành phố kiểm tra lại diện tích đất đã cưỡng chế giao năm 2012, kết quả còn một phần diện tích nằm trong phạm vi tranh chấp 28,4 m^2 đã giải quyết tại Quyết định 2381 ngày 20/12/2010 của Uỷ ban nhân dân tỉnh nhưng chưa giao cho bà Trần Thị Đ, lý do: Năm 2012 cưỡng chế nhưng giao chưa đủ diện tích đất cho bà Đ. Do đó phải tiếp tục giao phần diện tích đất còn lại cho bà Trần Thị Đinh là đúng.

Qua vận động, thuyết phục gia đình ông Đặng Minh H1 tự nguyện giao phần diện tích đất còn thiếu cho bà Trần Thị Đ nhưng không thành. Do đó, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 cưỡng chế thi hành Quyết định 1533 và 2381 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh về giải quyết tranh chấp đất đai với gia đình bà Đặng Thị G.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 47 là có cơ sở nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà G.

Theo biên bản lấy lời khai và lời trình bày của bà Trần Thị Đ tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện:

Việc tranh chấp đất giữa gia đình bà với gia đình ông Đặng Minh H1 đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh giải quyết và được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã tiến hành cưỡng chế. Ngày 28/8/2012 Đoàn cưỡng chế của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã T đã đến khu đất tiến hành cưỡng chế gia đình ông H1 giao đất cho bà theo quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đoàn cưỡng chế yêu cầu bà cắm trụ xi măng ở vị trí nào thì bà cắm trụ xi măng tại vị trí đó, đoàn cưỡng chế bàn giao đất cho bà nhưng bà không đồng ý nhận vì đoàn cưỡng chế không giao đủ diện tích cho bà.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định như sau:

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 5, Điều 6 của Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G về việc yêu cầu hủy Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 12 năm 2020, người khởi kiện bà Đặng Thị G kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phần tranh luận:

Người khởi kiện trình bày: Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của cha bà G thuộc thửa 787 tờ bản đồ số 2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ không có ghi số thửa, giấy sở hữu cấp cho chồng bà Đ là giấy sở hữu nhà, vì đất đai thuộc sở hữu toàn dân. bà Đ không chứng minh được phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Đ. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quyết định 2381/QĐ-UBND buộc gia đình bà phải giao đất cho bà Đ. Năm 2010 Uỷ ban nhân dân mới công nhận quyền sở hữu của bà Đ nhưng 2009 Uỷ ban nhân dân thành phố T đã vẽ được sơ đồ đất của bà Đ. Gia đình bà không đồng ý giao đất nên 2012 Uỷ ban nhân dân đã cưỡng chế giao đất cho bà Đ, bà Đ đã nhận đất và rào trụ bê tông.

Sau đó, chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh không ban hành quyết định nào bổ sung, nhưng Uỷ ban nhân dân thành phố T vẽ lại sơ đồ đất tiếp tục ra quyết định 47/QĐ-UBND cưỡng chế đất nhà bà lần thứ 2. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết định 47/QĐ-UBND, 1533/QĐ-UBND, 2381/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh và Uỷ ban nhân dân thành phố T. Nội dung quyết định 47/QĐ-UBND không thể hiện cưỡng chế lần 1, lần 2 hay bổ sung.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Sau khi có khiếu nại của bà Đ, thì Uỷ ban nhân dân thành phố T đo đạc xác định phần đất giao là 28,4 m^2 trong đó có 1,6 m^2 chưa giao đủ. Trong quy định không có quy định cưỡng chế lần 2, lần 3 nhưng do giao đất không đủ nên Uỷ ban nhân dân cưỡng chế giao đủ diện tích.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ trình bày: Năm 2012 Uỷ ban nhân dân thị xã cưỡng chế giao đất, do giao không đủ nên bà có ghi vào biên bản giao đất là không đồng ý và tiếp tục khiếu nại. Uỷ ban nhân dân thành phố T ra quyết định 47/QĐ-UBND là thực hiện theo quyết định 1533/QĐ-UBND, 2381/QĐ-UBND đúng theo quy định pháp luật, chứ không phải là giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Thực tế bà Đ đã nhận đất, cặm cọc làm rào. Theo biên bản thẩm định tại chỗ thì vị trí giao đất của bà G cho bà Đ vẫn còn thiếu diện tích, nên Uỷ ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định 47/QĐ-UBND. Về hình thức quyết định 47/QĐ-UBND chưa phù hợp quy định của pháp luật hành chính, lẽ ra UBND thành phố phải ban hành quyết định 47 là quyết định bổ sung quyết định 403/QĐ-UBND nhưng về bản chất không làm thay đổi sự việc nên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Đặng Minh H1 (cha bà G) và bà Trần Thị Đ. Theo đó, công nhận cho bà Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 28,4 m^2 thuộc thửa 181, tờ bản đồ số 75 tại Khu phố x3, Phường x1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; buộc gia đình ông H1 giao cho bà Đ diện tích lấn chiếm 6,3 m^2. Ngày 13/6/2012 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã T ban hành quyết định 403/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành quyết định 1533/QĐ-UBND, 2381/QĐ-UBND. Ngày 28/8/2012 Đoàn cưỡng chế thị xã T đã thực hiện cưỡng chế theo quyết định 403/QĐ-UBND. Ngày 11/01/2019 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định 47/QĐ-UBND buộc gia đình bà G trả phần diện tích 6,3 m^2 cho bà Đ. Người khởi kiện cho rằng Uỷ ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định 47/QĐ-UBND là không đúng quy định pháp luật nên đề nghị hủy quyết định trên.

Người bị kiện cho rằng quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1] Quyết định 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T có nội dung: Buộc gia đình bà G tháo dỡ công trình kiến trúc, tường rào, mái che, trong phạm vi diện tích 6,3 m^2 tại trích lục bản đồ 305 cho bà Đ. Đây là quyết định cưỡng chế thi hành quyết định 1533/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 và quyết định 2381/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, ngày 13/6/2012 Chủ tịch Uỷ ban nhân dân

thị xã T đã ban hành quyết định 403/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành 02 quyết định trên. Tại văn bản ngày 12/3/2019, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T trình bày lý do ban hành quyết định 47/QĐ-UBND là năm 2012 cưỡng chế nhưng chưa giao đủ diện tích đất cho bà Đ, nên phải tiếp tục giao phần còn lại cho đủ diện tích.

Xét thấy, khoản 4 Điều 13 quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định: "*Ngay sau khi tổ chức xong cưỡng chế và giao đất cho người sử dụng đất hợp pháp ngoài thực địa, Ban cưỡng chế họp đánh giá kết quả thực hiện cưỡng chế*". Tại báo cáo 16/BC-ĐCC ngày 13/9/2012 về kết quả thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế và đánh giá rút kinh nghiệm cho Đoàn cưỡng chế có nội dung: "*Đoàn cưỡng chế đã bàn giao cho bà Trần Thị Đ diện tích 21,1 m^2 đất trống và diện tích 6,3 m^2 bà Trần Thị Đ đã tổ chức cho công nhân cắm trụ ranh bê tông xi măng, xây gạch chân tường rào cao 0,5m phía giáp ranh với đất ông Đặng Minh H1*". Người bị kiện cho rằng quyết định 47/QĐ-UBND là quyết định thực hiện cưỡng chế bổ sung phần diện tích còn thiếu nhưng quyết định 47/QĐ-UBND không có nội dung thể hiện đây là quyết định cưỡng chế bổ sung. Hơn nữa, căn cứ vào báo cáo 16/BC-ĐCC và đối chiếu với quy định 04/2017/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây NInh thì có cơ sở xác định quyết định 2381/QĐ-UBND và quyết định 1533/QĐ-UBND đã được cưỡng chế thi hành xong từ năm 2012.

[3.2] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Ngày 28/8/2012 Đoàn cưỡng chế bàn giao 6,3 m^2 cho bà Trần Thị Đ, bà Đ đã cắm trụ xi măng theo vị trí mà Đoàn cưỡng chế yêu cầu. Tuy nhiên, tại biên bản cưỡng chế thể hiện bà Đ không đồng ý với vị trí đất mà Đoàn cưỡng chế đã giao cho bà. Như vậy sự việc cưỡng chế đối với quyết định 1533/QĐ-UBND và quyết định 2381/QĐ-UBND của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh vẫn chưa được thi hành xong.

Xét thấy, nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đủ căn cứ. Vì theo các báo cáo của Đoàn cưỡng chế năm 2012, lời trình bày của các đương sự thì năm 2012 đã tiến hành cưỡng chế giao 6,3 m^2 đất cho bà Đ, bà Đ cũng đã nhận đất và cắm trụ bê tông. Theo bản trích đo bản đồ chỉnh lý bản đồ địa chính số 1352/SĐ-TĐCL ngày 09/9/2019 thì diện tích đất bà G cho rằng Đoàn cưỡng chế gia đình bà có diện tích 7,0 m^2, trừ lộ giới hẻm còn 6,0 m^2 như vậy thực tế là thiếu diện tích 0,3 m^2. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày mặc dù quyết định 47/QĐ-UBND cưỡng chế 6,3 m^2, nhưng diện tích thực tế gia đình bà G phải giao thêm chỉ có 1,6 m^2 (năm 2012 đã giao 4,7 m^2 cho bà Đ). Như vậy, các bên đương sự trình bày không thống nhất về diện tích đất cưỡng chế còn thiếu. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này để xác định diện tích buộc gia đình bà G phải giao thêm (nếu có) là bao nhiêu. Hơn nữa, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện, hiện trạng đất cưỡng chế gia đình bà G đã giao không giống với trích lục bản đồ địa chính số 305/SĐ-TL/P1 ngày 27/11/2009 và phần đất đã giao ngày 28/8/2012 có 01 phần diện tích thuộc đất giao thông. Tòa án cần làm rõ hiện trạng phần đất khi thực hiện cưỡng chế năm

2012 ở vị trí như thế nào, khi giao đất các bên có ghi nhận phần diện tích thuộc đất giao thông là phần lối đi chung hay tính luôn vào phần diện tích được công nhận cho bà Đ. Năm 2012, bà Đ đã nhận đất và cắm trụ bê tông thì vì sao hiện trạng lại có sự thay đổi, phần ranh tại trụ bê tông hiện tại như thế nào, có sự lấn chiếm của bên giáp ranh hay không. Từ đó mới có đủ cơ sở xác định nội dung quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố T là có căn cứ hay không.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ để làm rõ nội dung vụ án, quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là chưa đủ căn cứ, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận định thêm, tranh chấp đất đai giữa gia đình bà G và bà Đ đã được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết, đã được cưỡng chế thi hành theo báo cáo số 16/BC-ĐCC ngày 13/9/2012 của Đoàn cưỡng chế. bà Đ khiếu nại cho rằng diện tích được nhận còn thiếu so với diện tích được công nhận. Kết quả kiểm tra của Uỷ ban nhân dân thành phố T thể hiện phần đất của bà Đ bị thiếu diện tích. Kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện phần hiện trạng phần đất tranh chấp đã có sự thay đổi. Đúng ra, cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) thì mới giải quyết triệt để toàn diện vụ án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người khởi kiện có kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Đặng Thị G

Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đặng Thị G không phải chịu, được hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001136 ngày 05/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- NKK (1);
-NBK (1);
-NLQ (6);
- Lưu (10) 23b (Án39).

Trần Văn Mười